

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý kèm theo
đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn
giai đoạn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch triển khai lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn, giai đoạn đến năm 2020 và 2030;

Thực hiện Thông báo số 269-TB/TU ngày 24/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn đến năm 2030;

Theo Thông báo số 331/TB-UBND ngày 11/8/2021 Kết luận của Chủ

tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại cuộc họp thông qua đồ án xây dựng Quy hoạch vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND huyện Phước Sơn tại Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 01/9/2021 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn đến năm 2030; Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 18/01/2022 về việc Giải trình các nội dung tại Thông báo kết luận số 269/TB-UBND ngày 24/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 28/4/2022 về việc tổng hợp nội dung góp ý và giải trình Hội đồng thẩm định tỉnh tại cuộc họp thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030 kèm theo hồ sơ quy hoạch và văn bản pháp lý liên quan;

Theo Thông báo số 25/TB-HĐTĐ ngày 30/3/2022 của Hội đồng thẩm định Kết luận của đồng chí Nguyễn Phú - Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030 kèm theo phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Kết quả thẩm định quy hoạch xây dựng số 31/ThĐ-SXD ngày 04/10/2021 và Tờ trình số 20/TTr-SXD ngày 28/01/2022, Tờ trình số 71/TTr-SXD ngày 20/5/2022 phê duyệt quy hoạch và ban hành Quy định quản lý kèm theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030; với các nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính huyện Phước Sơn.

- Phía Đông: giáp các huyện Hiệp Đức, Nam Trà My, Bắc Trà My;

- Phía Tây: giáp các huyện Nam Giang và tỉnh Kon Tum;

- Phía Bắc: giáp các huyện Nam Giang, Nông Sơn;

- Phía Nam: giáp huyện Đắk Glei thuộc tỉnh Kon Tum.

b) Tổng diện tích đất tự nhiên: 1153,34 km², với 12 đơn vị hành chính (11 xã và thị trấn Khâm Đức).

2. Tính chất

Là vùng động lực phát triển kinh tế, xã hội của miền núi phía Tây tỉnh Quảng Nam; cửa ngõ kết nối khu vực Tây Nguyên với tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng; là vùng phát triển về khoáng sản, lâm nghiệp và thương mại dịch vụ của tỉnh; là vùng bảo tồn đa dạng sinh học; có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

3. Động lực và tiềm năng phát triển

- Nằm trong hành lang phát triển Trung Quảng Nam bao gồm các huyện: Duy Xuyên, Thăng Bình, Hiệp Đức, Nông Sơn, Phước Sơn; là cửa ngõ giao thương và du lịch và kết nối khu vực miền núi Tây Quảng Nam và khu vực Tây Nguyên, nước CHDCND Lào thông qua tuyến đường Hồ Chí Minh, tuyến Quốc lộ 14E và cửa khẩu Nam Giang.

- Được định hướng là khu vực kết nối phát triển nông - lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ của khu vực Tây tỉnh Quảng Nam. Nhiều di tích lịch sử, thắng cảnh đẹp để phát triển du lịch; nhiều tài nguyên khoáng sản. Quỹ đất nông, lâm nghiệp lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp trồng cây ăn quả, dược liệu, trồng rừng sản xuất, rừng gỗ lớn và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề.

4. Các chỉ tiêu phát triển vùng

a) Dân số, lao động

- Đến năm 2025: dân số đạt khoảng 29.796 người; trong đó dân số đô thị khoảng 10.000 người, nông thôn khoảng 19.796 người.

- Đến năm 2030: dân số đạt khoảng 31.941 người; trong đó dân số đô thị đạt khoảng 20.000 người, nông thôn khoảng 11.941 người.

b) Đô thị hóa: tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 33,6%; năm 2030 đạt 62,6%.

5. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Phân vùng phát triển

- Vùng cao: gồm các xã: Phước Chánh, Phước Công, Phước Kim, Phước Thành, Phước Lộc.

+ Định hướng phát triển: bảo tồn và phát triển diện tích các loại cây bản địa có giá trị và hiệu quả kinh tế cao. Phát triển nghề rèn truyền thống xã Phước Công. Phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá,... Sắp xếp bố trí lại dân cư, trung tâm các xã, các điểm dân cư nông thôn tại các vùng nguy hiểm đến khu vực an toàn.

+ Trung tâm tiểu vùng thuộc xã Phước Chánh.

- Vùng trung: gồm các xã Phước Đức, Phước Năng, Phước Mỹ.

+ Định hướng phát triển: phát triển kinh tế vườn, kinh tế rừng, kinh tế trang trại, chăn nuôi tập trung. Bảo vệ, giữ gìn và khai thác các giá trị của Vườn Quốc gia Sông Thanh. Hoàn chỉnh hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm cụm xã Phước Năng, các điểm dân cư dọc trục đường Hồ Chí Minh, Hồ Nước Zút,...

+ Trung tâm tiểu vùng thuộc xã Phước Năng.

- Vùng thấp: gồm các xã: Phước Xuân, Phước Hiệp, Phước Hoà và thị trấn Khâm Đức.

+ Định hướng phát triển: chủ yếu là công nghiệp - thương mại dịch vụ - lâm nghiệp. Đầu tư các cụm công nghiệp Đông Bắc thị trấn Khâm Đức, xã Phước Hiệp và xã Phước Hòa; phát triển tiểu thủ công nghiệp nhỏ. Đầu tư cải tạo đồng ruộng, khai hoang diện tích ruộng nước mới; phát triển các loại rau, đậu, cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa.

+ Trung tâm tiểu vùng là đô thị Khâm Đức và khu trung tâm xã Phước Hiệp.

b) Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển

* Nông, lâm, thủy sản:

- Hình thành những vùng sản xuất tập trung dựa trên tổ chức sản xuất của các gia trại, trang trại và vườn kinh tế với một số mô hình phù hợp và định hướng phát triển sản xuất cụ thể đối từng tiểu vùng như sau:

+ Vùng cao: khai thác thế mạnh về rừng trồng sản xuất trồng các loại cây nguyên liệu, rừng gỗ lớn (xã Phước Chánh), nghiên cứu trồng cây dưới tán rừng phù hợp với quy định; phát triển các loại cây dược liệu (Quế, Ba kích, Đảng sâm, Sa nhân,...). Phát triển Sâm Ngọc linh, nuôi cá lồng nuôi ong lấy mật truyền thống ở xã Phước Lộc.

+ Vùng trung: bảo vệ, giữ gìn và khai thác các giá trị khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh, phát triển các loại hình khai thác phù hợp với việc bảo tồn như du lịch khám phá, du lịch sinh thái; tăng diện tích rừng phòng hộ; khai thác kinh tế lâm nghiệp chặt chẽ phù hợp với công tác bảo tồn. Quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh trồng rừng gỗ lớn (các loại cây bản địa, keo Úc, nghiên cứu trồng cây dưới tán rừng phù hợp với quy định và các loại cây dược liệu). Sản xuất hữu cơ; chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Hình thành vùng cây ăn quả (bưởi da xanh, cam).

+ Vùng thấp: duy trì quản lý vùng trồng cây cao su sẵn có. Tổ chức khai thác và phát triển kinh tế rừng hiệu quả. Phát triển ổn định các khu vực trồng rừng sản xuất, kết hợp với việc bảo vệ diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng sẵn có. Đầu tư cải tạo đồng ruộng, khai hoang diện tích ruộng nước mới; phát triển các loại rau, đậu, cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nuôi cá nước ngọt, chăn nuôi gia súc gia cầm theo hình thức trang trại.

- Quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh trồng rừng gỗ lớn (các loại cây bản địa, keo Úc, nghiên cứu trồng cây dưới tán rừng phù hợp với quy định và các loại cây dược liệu). Sản xuất hữu cơ; chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản; vùng cây ăn quả.

- Hạn chế phát triển trồng lúa nương rẫy, chỉ phát triển ở các khu vực phù hợp với phong tục, tập quán của người dân; giảm dần diện tích lúa không chủ động nước tưới để chuyển đổi cây trồng có giá trị cao hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phát huy hiệu quả quỹ đất, nhất là tại khu vực thị trấn Khâm Đức.

- Quy hoạch vùng cây dược liệu: các loại cây dược liệu ưu tiên phát triển

tại địa phương gồm: Ba kích, Bảy lá Một hoa, Đinh lăng, Đảng sâm, Giáo cổ lam, Lan kim tuyến, Mật nhân, Sachainchi (Sachi), Sâm Ngọc linh, Sa nhân tím, Dương quy với tổng quy mô 14.582ha trong đó trồng mới 3.500ha và bảo tồn 11.082ha. Phát triển vùng trồng quế gốc bản địa (quế Trà My) với tổng diện tích 449,6ha trong đó phát triển mới 353ha, trồng xen 96,6ha.

- Cơ sở chăn nuôi tập trung: đến 2030, toàn huyện Phước Sơn có 16 cơ sở chăn nuôi tập trung với tổng diện tích khoảng 134,5 ha; tập trung tại các xã: Phước Đức, Phước Hòa, Phước Xuân, Phước Chánh, Phước Kim, Phước Lộc, Phước Công, Phước Thành, Phước Hiệp.

- Phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản trong các lòng hồ thủy điện.

* Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khoáng sản:

+ Công nghiệp: đến năm 2030 hình thành 03 cụm công nghiệp với tổng quy mô khoảng 130 ha, gồm: tại khu Đông Bắc thị trấn Khâm Đức diện tích 15ha, tại xã Phước Hòa 40ha, tại xã Phước Hiệp 75ha.

+ Tiểu thủ công nghiệp: tiếp tục hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống như: nghề dệt thổ cẩm, nghề đan lát, nghề mộc gia dụng, nghề rèn truyền thống.

+ Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển ngành may mặc để giải quyết nhiều việc làm cho nhân dân địa phương; quan tâm công nghiệp chế biến dược liệu, nông - lâm sản, nhất là các sản phẩm OCOP, định hình một số sản phẩm OCOP tiêu biểu, mang thương hiệu huyện Phước Sơn.

+ Khoáng sản: quản lý việc khai thác vàng đảm bảo bền vững với môi trường. Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất các loại khoáng sản có tiềm năng như sắt, các loại khoáng sản mới. Duy trì và khai thác tốt các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

* Thương mại - dịch vụ:

- Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ tại thị trấn Khâm Đức, Phước Hiệp theo mô hình vừa kết hợp với các khu vực buôn bán và dịch vụ để tạo thành các trung tâm thương mại hạng II và hạng III, các khu thương mại - dịch vụ tổng hợp hoặc các siêu thị mini.

- Mạng lưới chợ:

+ Nâng cấp chợ Khâm Đức thành chợ tổng hợp, hạng II. Xây mới chợ cụm xã tại xã Phước Hiệp hạng III.

+ Cấp cơ sở: xây dựng 09 điểm thu mua nông sản tại các xã còn lại.

* Du lịch: đến năm 2030, phát triển 11 khu du lịch với loại hình chủ đạo gồm:

- Du lịch sinh thái: Vườn Quốc gia Sông Thanh (suối nước nóng Đăk Gà), Khu du lịch suối Nước Chè, Khu du lịch Suối Đá, Khu du lịch Thác nước, Khu du lịch suối Nước Lang, Khu du lịch thác 7 tầng (suối Đà Lạt).

- Du lịch cộng đồng: khu làng đồng bào Bh'Noong, khu du lịch hồ Mùa Thu, khu du lịch mạo hiểm, khám phá thôn 1 xã Phước Kim.

- Du lịch nghỉ dưỡng: khu du lịch nghỉ dưỡng thị trấn Khâm Đức (dọc hồ Đăk Mi), khu nghỉ dưỡng đồi E.

6. Định hướng tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn và khu chức năng

a) Đô thị: đến năm 2030 toàn huyện có 2 đô thị gồm Khâm Đức và đô thị Phước Hiệp.

- Đô thị Khâm Đức: xây dựng theo các tiêu chí đô thị loại IV. Cụ thể:

- + Tính chất: Trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội và khoa học - kỹ thuật của huyện Phước Sơn; đầu mối giao thông quan trọng để giao lưu kinh tế của vùng Tây tỉnh Quảng Nam với các tỉnh Tây Nguyên và phía Bắc; có vị trí an ninh, quốc phòng quan trọng cấp vùng.

- + Dân số: đến năm 2030 dân số đô thị đạt khoảng 15.000 người.

- + Đất đai: đến năm 2030 đất xây dựng đô thị đạt khoảng 330,42ha.

- + Hướng phát triển đô thị: giai đoạn đến năm 2025 tập trung chỉnh trang hạ tầng đô thị; phát triển các khu vực mới theo định hướng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khâm Đức và vùng phụ cận. Giai đoạn đến năm 2030 tập trung phát triển về phía Bắc, về phía Đông tiệm cận với bờ hồ Đăk Mi. Khu vực thuộc xã Phước Đức tập trung phát triển tạo thành cửa ngõ phía Nam của đô thị; khu vực xã Phước Xuân tiếp tục phát triển các điểm dừng chân dọc tuyến Hồ Chí Minh. Hình thành trung tâm hỗn hợp cửa ngõ phía Bắc tại khu vực ngã ba Làng Hồi.

- Đô thị Phước Hiệp (loại V).

- + Tính chất: là trung tâm tổng hợp, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cụm xã phía đông huyện Phước Sơn.

- + Dân số: đến năm 2030, dân số đạt khoảng 5.000 người.

- + Định hướng phát triển không gian: tập trung phát triển không gian chính của đô thị dọc theo tuyến đường Quốc lộ 14E, tận dụng cơ sở hạ tầng có sẵn để phát triển vận chuyển, giao lưu hàng hóa. Xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, kỹ thuật đồng bộ, kiến trúc cảnh quan, môi trường đạt chuẩn đô thị loại V.

b) Nông thôn

- Trung tâm cụm xã: xây dựng trung tâm xã Phước Năng, xã Phước Chánh trở thành các khu trung tâm cụm xã phục vụ cho các tiểu vùng.

- Tiếp tục xây dựng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật các trung tâm xã theo đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt. Đầu tư sắp xếp bố trí dân cư theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Xây dựng các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, hoàn thành việc phát triển nhà ở kiên cố. Phân đầu xây dựng các điểm dân cư nông thôn đạt các tiêu chí khu dân cư

kiểu mẫu.

c) Định hướng các khu chức năng: các khu vực thương mại - dịch vụ dọc tuyến Hồ Chí Minh, QL14E. Khu đô thị thương mại dịch vụ tại ngã ba Làng Hối. Các cụm công nghiệp, du lịch và các khu chức năng khác theo Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng.

7. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Giáo dục và đào tạo: xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục đạt trường chuẩn quốc gia. củng cố, phát triển quy mô, mạng lưới trường, lớp hợp lý. Đầu tư nâng cấp mở rộng trường THPT Khâm Đức, trường phổ thông dân tộc nội trú huyện và xây dựng trường THPT tại xã Phước Chánh. Xây dựng trường bán trú cấp tiểu học và THCS tại các xã Phước Năng, Phước Hiệp, Phước Mỹ, Phước Công, Phước Kim, Phước Thành, Phước Lộc.

- Y tế: phát triển mạng lưới y tế; tiếp tục phát triển nguồn lực về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị; đầu tư nâng cấp Trung tâm y tế huyện, nâng cấp phòng khám đa khoa Phước Chánh. Có chính sách thu hút đầu tư xây dựng các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn huyện.

- Văn hóa, thể thao: đầu tư xây dựng các trung tâm văn hóa - thể thao tại thị trấn Khâm Đức; các khu thể dục thể thao quy mô cụm xã tại các xã Phước Hiệp, Phước Chánh, Phước Năng. Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao tại các xã theo định hướng quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

- Phòng chống sạt lở: đầu tư xây dựng các công trình phòng chống sạt lở trên các tuyến đường chính, các khu dân cư, đô thị, các khu chức năng. Di dời các khu dân cư có nguy cơ sạt lở.

- Xây dựng kè sông Trường dọc hạ lưu sông Trường thuộc xã Phước Hòa, xã Phước Hiệp; kè chống sạt lở kè sông Đăk Mi, xã Phước Xuân.

- San nền, thoát nước:

+ Hướng thoát nước chính: nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên đổ ra các ao hồ, mương suối nhỏ, sau đó đổ ra các nhánh sông lớn như sông Đăk Mi, các nhánh sông nằm trong hệ thống sông Thu Bồn.

+ Khu vực đô thị xây dựng hệ thống thoát nước riêng, đồng bộ, hệ thống thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thu gom xử lý nước thải.

+ Đối với các khu vực các xã, quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước chung trong khu vực trung tâm xã, khu vực ngoài dân cư xây dựng mương dọc 2 bên đường để thu nước mưa. Kiên cố hóa các mương tiêu để tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thoát nước của khu vực dân cư và đồng ruộng.

+ Đối với các dự án trên địa bàn huyện, khi tiến hành xây dựng phải lựa chọn vị trí có địa hình đảm bảo không bị sạt lở, lũ lụt, cao độ xây dựng được tính toán căn cứ theo số liệu mực nước lũ hằng năm của khu vực.

b) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường Hồ Chí Minh: đầu tư xây dựng đoạn qua đô thị Khâm Đức theo Quy hoạch chung đô thị.

+ Quốc lộ 14E mở rộng.

+ Quy hoạch tuyến hành lang giao thông kết nối Bắc - Nam ở vùng núi phía Tây (BN2), kết nối từ huyện Bắc Trà My qua Phước Sơn đến xã ChaVal, đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi. Được định hướng nâng cấp thành đường tỉnh.

+ Nâng cấp tuyến ĐH1.PS (Phước Đức - Phước Thành) nối tuyến Phước Thành - Trà Leng thành đường tỉnh, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Đường huyện: định hướng đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi. Gồm:

+ Các tuyến ĐH tổng 82,286 km bao gồm: ĐH1.PS Phước Đức - Phước Thành 39,996km; ĐH2.PS Phước Thành - Phước Lộc 8,131km; ĐH3.PS Phước Chánh - Phước Công 7,40km; ĐH4.PS Phước Mỹ - Phước Công 10,25km; ĐH5.PS Phước Lộc - Phước Công 11,51km; ĐH6.PS Phước Năng - Phước Chánh 5,00 km.

+ Các tuyến ĐH mới bổ sung gồm: ĐH7.PS Phước Hiệp - Phước Kim 30km; ĐH8.PS Phước Xuân - Phước Hòa 12km; ĐH9.PS Km70+200 - QL 14E Phước Hòa 3km; ĐH10.PS Phước Hòa - Phước Kim 10km; ĐH11.PS thôn 4 (Phước Đức) - Đăk Ốc 22km.

- Các tuyến đường xã và đường nội thị: các tuyến đường nội thị trong đô thị Khâm Đức theo quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khâm Đức đã được phê duyệt.

- Các tuyến giao thông khác:

+ Đường du lịch ven hồ: tuyến DL1 dài 14 km; tuyến DL2 dài 13,6 km; tuyến DL3 dài 2,5 km.

+ Đường giao thông vào các khu sản xuất tập trung, khu trồng cây dược liệu.

- Hệ thống bến xe: bến xe Khâm Đức đạt tiêu chuẩn loại IV; bến xe Phước Hiệp đạt tiêu chuẩn loại V; bến xe Phước Thành đạt tiêu chuẩn loại V.

- Đầu tư trạm dừng nghỉ tại Khâm Đức theo quy hoạch chung thị trấn Khâm Đức và vùng phụ cận.

- Đường thủy nội địa: bến Nước Chè 2, Nước Chè 3 (thị trấn Khâm Đức), bến thôn Lao Mung xã Phước Xuân, bến thủy điện ĐăkMi 4.

c) Cấp nước

- Cấp nước sinh hoạt:

+ Nâng cấp nhà máy cấp nước Khâm Đức lên 6.000m³/ngày đêm cho giai đoạn đến 2030 cấp nước cho đô thị Khâm Đức và các vùng lân cận; nguồn nước suối Trèo.

+ Đầu tư xây mới nhà máy cấp nước Phước Hiệp công suất dự kiến 2.000m³/ngày đêm để cung cấp nước cho đô thị Phước Hiệp, xã Phước Hòa và các vùng lân cận; nguồn nước suối Khe Su, suối Bờ Lao.

+ Đầu tư trạm cấp nước từ các suối Zút, Đăk Gà cung cấp nước cho xã Phước Năng; suối Nước Xa cho xã Phước Đức; suối Đăk Gà cho xã Phước Mỹ; suối Xà Ka cho xã Phước Công, xã Phước Chánh; suối Trà Văn cho xã Phước Kim.

- Cấp nước sản xuất: đầu tư nâng cấp 27 đập thủy lợi để đáp ứng nhu cầu tưới tiêu phục vụ cho nông nghiệp.

d) Giải pháp cấp điện

- Nguồn điện: từ trạm 110/22KV Phước Sơn.

- Lưới điện 110 KV: xây mới đường dây mạch kép từ trạm 220KV Đăk Mi 4A- Khâm Đức; xây mới đường dây 110KV Nước Chè - Khâm Đức.

- Hệ thống lưới điện tại các khu vực phát triển mới tại nội thị được ngầm hóa, các khu vực hiện hữu sẽ xây dựng kế hoạch, lộ trình, nguồn lực để từng bước ngầm hóa toàn đô thị.

e) Thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt

+ Đối với khu vực nội thị: thị trấn Khâm Đức xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung cho đô thị, công suất 2.000 m³/ngày đêm.

+ Đối với khu vực dân cư nông thôn phân bố tập trung: xây dựng hệ thống thoát nước chung, nước thải được xử lý bằng bể tự hoại sau đó đổ vào hệ thống thoát nước chung dẫn vào các lưu vực để được làm sạch tự nhiên.

- Nước thải công nghiệp, du lịch và các khu chức năng: từng khu xây dựng hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

g) Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn: giai đoạn đầu, rác thải phát sinh trong khu vực được xử lý tại khu xử lý rác thải hiện có. Giai đoạn sau năm 2025, quy hoạch khu xử lý chất thải rắn mới tại thôn 1 xã Phước Hoà, diện tích 5ha.

h) Quy hoạch xây dựng nghĩa trang

- Đối với thị trấn Khâm Đức: giai đoạn đầu, sử dụng các nghĩa trang, nghĩa địa hiện có đã xây dựng. Giai đoạn sau năm 2025, đầu tư theo quy hoạch tại khu vực hạ lưu đập ĐăkMi 4 thuộc thôn 1 xã Phước Hòa với diện tích khoảng 7ha.

- Đối với các xã còn lại, sử dụng các nghĩa trang nhân dân hiện có trong

khu vực. UBND các xã có kế hoạch từng bước tập trung quy tập các ngôi mộ phân tán trên địa bàn toàn xã hình thành khu cải táng tập trung vào trong các nghĩa trang nhân dân.

i) Hạ tầng viễn thông: xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng liên lạc, bưu chính viễn thông có công nghệ hiện đại; đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và công tác chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và đảm bảo quốc phòng – an ninh. Thực hiện từng bước việc ngầm hoá hạ tầng mạng cáp viễn thông trong khu vực đô thị.

9. Các vấn đề có liên quan biện pháp bảo vệ môi trường

- Nghiên cứu chỉnh trang, xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp tiêu thoát nước phù hợp theo từng giai đoạn phát triển.
- Thực hiện kế hoạch di dời dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, có nguy cơ sạt lở; gia cố bờ kè, xây mái taluy, trồng cỏ giữ đất,...
- Phát triển đô thị phải đồng bộ với giải pháp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật; kiểm soát chặt chẽ và có biện pháp xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.
- Định kỳ đánh giá và đề xuất các giải pháp hạn chế các tác động về môi trường trong quá trình phát triển.
- Tuân thủ các quy định về kiểm định đập thủy điện, đánh giá chất lượng đập, kiểm tra các thông số kỹ thuật trước mùa mưa lũ.

10. Danh mục dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án ưu tiên đầu tư để phát triển vùng

- Quy hoạch: lập các thủ tục quản lý phát triển đô thị Khâm Đức, lập quy hoạch chung đô thị Phước Hiệp; lập quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp Đông Bắc Khâm Đức, xã Phước Hiệp, xã Phước Hòa; các khu du lịch; các khu dân cư theo quy hoạch chung thị trấn Khâm Đức; đề án phát triển cây ăn quả và sắp xếp dân cư tại xã Phước Năng, xã Phước Chánh. Quy hoạch khu dân cư di dời phòng chống sạt lở, lũ lụt. Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn 11 xã.
- Thoát nước: xây dựng kè chống sạt lở sông Đăk Mi, sông Trường.
- Giao thông: tập trung nguồn vốn đầu tư các danh mục công trình tại phân quy hoạch giao thông tại Điểm 8.b) nêu trên.
- Cấp nước: nâng cấp nhà máy cấp nước Khâm Đức; đầu tư các trạm cấp nước cho các điểm dân cư nông thôn.
- Thủy lợi: xây dựng nâng cấp, cải tạo các hồ chứa nước lớn (xã Phước Hiệp, Nước Zút tại xã Phước Năng và các hồ trên địa bàn các xã).
- Cấp điện: đầu tư các tuyến đường dây cao áp theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh. Xây dựng các đường dây trung thế 22KV vào các xã, điện vào các thôn. Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng tại đô thị Khâm Đức và đầu

tư hệ thống điện chiếu sáng tại Phước Hiệp.

- Thoát nước bản, chất thải rắn, nghĩa trang: đầu tư hệ thống thoát nước chung, nước thải và dẫn về khu xử lý nước thải của đô thị Khâm Đức. Quy hoạch và cải tạo các nghĩa trang trên địa bàn theo mục 8.g).

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: đầu tư xây dựng, kêu gọi, thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp.

- Thương mại, dịch vụ, du lịch: kêu gọi thu hút đầu tư các khu du lịch; công trình thương mại, dịch vụ; xây dựng, nâng cấp các chợ theo quy hoạch.

- Nông, lâm, thủy sản:

- + Tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích bảo tồn và phát triển một số cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; cho thuê môi trường rừng để trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ, và kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- + Đầu tư khu chăn nuôi tập trung tại các xã theo quy hoạch.

- + Xây dựng các vùng nông nghiệp và đề án phát triển vùng cây ăn quả và sắp xếp dân cư tại xã Phước Năng và Phước Chánh.

- Văn hóa, thể dục thể thao, Y tế, Giáo dục và đào tạo theo danh mục công trình tại mục 7.

b) Nguồn lực: từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Phước Sơn có trách nhiệm:

- Công bố công khai quy hoạch được duyệt; quản lý, giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt theo quy định tại Điều 48, Luật Xây dựng, Điều 28 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định điều chỉnh bổ sung.

- Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo định kỳ theo quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời, lập kế hoạch và hướng dẫn UBND các xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các hồ sơ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới phù hợp theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn giai đoạn đến năm 2030 đã duyệt;

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan đề xuất giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động

nguồn vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp huyện.

2. Sở Xây dựng phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn UBND huyện Phước Sơn quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện Phước Sơn được duyệt theo quy định. Hướng dẫn UBND huyện Phước Sơn rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý hồ sơ quy hoạch vùng huyện Phước Sơn theo đúng quy định (nếu có).

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, phối hợp với UBND huyện Phước Sơn trong quá trình quản lý phát triển theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phước Sơn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KGVX, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh